



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM
THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN BKR INTERNATIONAL
Chuyên ngành Kiểm toán, Định giá, Tư vấn tài chính, kế toán, thuế

TỔNG CÔNG TY ĐỨC GIANG - CÔNG TY CỔ PHẦN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
cho năm tài chính 2013

TỔNG CÔNG TY ĐỨC GIANG - CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 59 - Đức Giang - Long Biên - Hà Nội

Tel: 043 8770 643 Fax: 043 8271 896

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 04
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	05 - 06
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	07 - 09
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	10
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	11
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12 - 34



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Đức Giang - Công ty Cổ phần trình bày Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính 2013.

Khái quát chung về Công ty

Tổng Công ty Đức Giang - Công ty Cổ phần (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty May Đức Giang trực thuộc Tổng Công ty Dệt may Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 221/CNN/TCLĐ ngày 24/03/1993 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nhẹ và chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần từ ngày 01/01/2006 theo Quyết định số 2882/QĐ-BCN ngày 13/09/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103010468 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 28/12/2005. Công ty có 3 lần thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần 3 ngày 28/11/2009 thì vốn điều lệ của Công ty là: 51.855.000.000 đồng (*Năm mươi một tỷ, tám trăm năm mươi lăm triệu đồng*).

Ngành nghề kinh doanh của Công ty

- Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu các sản phẩm dệt may, nguyên phụ liệu, máy móc, thiết bị, phụ tùng, linh kiện ngành dệt may;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu các sản phẩm thủ công mỹ nghệ, sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp, hải sản, thực phẩm công nghệ;
- Kinh doanh các sản phẩm dân dụng, thiết bị văn phòng, phương tiện vận tải, vật liệu điện, điện tử, điện lạnh, cao su;
- Nhập khẩu sắt thép, gỗ, máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên liệu cho sản xuất kinh doanh, kinh doanh kim loại màu (kẽm, đồng, nhôm, chì) làm nguyên liệu cho sản xuất;
- Kinh doanh vận tải đường bộ và đường thủy, dịch vụ xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh bất động sản, xây dựng và kinh doanh cho thuê nhà làm văn phòng, trung tâm thương mại, siêu thị và nhà ở;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, lưu trú du lịch, kinh doanh du lịch lữ hành nội địa và quốc tế (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar).

Địa chỉ: Số 59 - Đức Giang - Long Biên - Hà Nội

Tel: 043 8770 643 Fax: 043 8271 896

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính 2013 và đến ngày lập Báo cáo tài chính, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Hoàng Vệ Dũng	Chủ tịch
Ông Phạm Đức Long	Ủy viên
Ông Phạm Tiến Lâm	Ủy viên
Bà Đào Thị Bích Khánh	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Thanh Hà	Ủy viên

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Tiến Lâm
Ông Vũ Trung Đông
Ông Dương Văn Thảo
Ông Lê Đức Chiến
Ông Phạm Thanh Tùng
Bà Đào Thị Bích Khánh

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Kế toán trưởng

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2013 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2013.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2013 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2013 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính này hay không; và
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY ĐỨC GIANG - CÔNG TY CỔ PHẦN



Phạm Tiến Lâm

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2014

Số : 191.-14/BC-TC/III-VAE

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2014

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
Tổng Công ty Đức Giang - Công ty Cổ phần

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Tổng Công ty Đức Giang - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 20 tháng 03 năm 2014 từ trang 07 đến trang 34 (gọi tắt là "Công ty"), bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 3 ngày 28/11/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp thì vốn điều lệ của Công ty là 51.855.000.000 đồng. Đến thời điểm 31/12/2013, số vốn thực góp của Công ty là 61.811.600.000 đồng. Tuy nhiên Công ty chưa thực hiện thay đổi đăng ký kinh doanh theo số vốn góp mới.

Báo cáo kiểm toán được lập thành sáu (06) bản bằng tiếng Việt. Tổng Công ty Đức Giang - Công ty Cổ phần giữ 05 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ 01 bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.



Phạm Ngọc Toàn

Phó Tổng giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0024-2013-034-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Cao Thị Hà

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1787-2013-034-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		493.653.366.119	434.075.277.572
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1.	148.777.849.376	236.606.930.240
1 Tiền	111		36.107.314.417	30.695.630.240
2 Các khoản tương đương tiền	112		112.670.534.959	205.911.300.000
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2.	-	2.760.000.000
1 Đầu tư ngắn hạn	121		-	6.000.000.000
2 Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	(3.240.000.000)
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		142.961.415.786	116.955.484.172
1 Phải thu của khách hàng	131	VIII.2.1	128.848.718.727	90.732.045.011
2 Trả trước cho người bán	132	VII.2.2	4.685.610.628	21.077.274.636
5 Các khoản phải thu khác	135	V.3.	9.685.387.551	5.146.164.525
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(258.301.120)	-
IV Hàng tồn kho	140		168.500.180.230	61.843.560.077
1 Hàng tồn kho	141	V.4.	168.500.180.230	61.843.560.077
V Tài sản ngắn hạn khác	150		33.413.920.727	15.909.303.083
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		27.050.838.221	15.885.838.083
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		18.000.000	18.465.000
4 Tài sản ngắn hạn khác	158	VII.2.3	6.345.082.506	5.000.000
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		88.989.549.379	86.298.755.861
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		22.404.217.962	23.313.382.499
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.5.	22.215.971.598	23.125.136.135
- Nguyên giá	222		56.345.981.039	57.133.812.400
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(34.130.009.441)	(34.008.676.265)
3 Tài sản cố định vô hình	227	V.6.	-	-
- Nguyên giá	228		1.376.124.616	1.376.124.616
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.376.124.616)	(1.376.124.616)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.7.	188.246.364	188.246.364
III Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.8.	65.546.821.561	61.046.267.565
1 Đầu tư vào công ty con	251		10.000.000.000	36.278.211.009
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		51.753.671.009	19.899.010.000
3 Đầu tư dài hạn khác	258		5.000.000.000	5.022.322.216
4 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(1.206.849.448)	(153.275.660)
V Tài sản dài hạn khác	260		1.038.509.856	1.939.105.797
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9.	1.038.509.856	1.939.105.797
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		582.642.915.498	520.374.033.433

(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 34 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		456.505.013.996	397.422.335.581
I Nợ ngắn hạn	310		454.013.052.422	394.530.887.837
1 Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10.	7.379.750.000	24.236.837.832
2 Phải trả người bán	312	VII.2.4	403.575.555.354	311.881.769.627
3 Người mua trả tiền trước	313	VII.2.5	22.185.578.259	23.359.685.784
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11.	2.431.602.137	12.895.421.558
5 Phải trả người lao động	315		12.316.006.071	10.878.825.529
6 Chi phí phải trả	316	V.12.	-	1.612.999.839
9 Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.13.	2.924.660.001	4.502.549.808
11 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		3.199.900.600	5.162.797.860
II Nợ dài hạn	330		2.491.961.574	2.891.447.744
3 Phải trả dài hạn khác	333	VII.2.6	11.797.221	412.412.364
4 Vay và nợ dài hạn	334	V.14.	2.480.164.353	2.479.035.380
6 Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
B VỐN CHỦ SỞ HỮU(400=410+430)	400		126.137.901.502	122.951.697.852
I Vốn chủ sở hữu	410	V.15.	126.036.911.502	122.850.707.852
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		61.811.600.000	61.811.600.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		10.000.000.000	10.578.536.303
3 Vốn khác của chủ sở hữu	413		3.158.493.310	3.158.493.310
6 Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		15.033.599.849	13.494.503.959
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		10.631.411.567	7.553.219.787
9 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		25.401.806.776	26.254.354.493
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		100.990.000	100.990.000
2 Nguồn kinh phí	432	V.16.	100.990.000	100.990.000
3 Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		582.642.915.498	520.374.033.433

(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 34 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		1.550.400.000	1.126.500.000
5. Ngoại tệ các loại		1.579.941,37	840.480,34

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2014

TỔNG CÔNG TY ĐỨC GIANG - CÔNG TY CỔ PHẦN

Người lập

Nguyễn Thị Vân Oanh

Trưởng phòng kế toán

Đinh Đức Hải

Tổng Giám đốc



Phạm Tiến Lâm

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2013

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.17.	1.576.913.387.606	1.343.654.071.132
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.18.	55.959.400	212.722.285
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.19.	1.576.857.428.206	1.343.441.348.847
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.20.	1.479.552.386.661	1.242.013.667.516
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		97.305.041.545	101.427.681.331
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.21.	16.343.561.396	24.966.291.466
7 Chi phí tài chính	22	VI.22.	5.782.762.042	(945.123.786)
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.008.910.216	441.651.222
8 Chi phí bán hàng	24	VII.2.7	39.665.158.900	49.317.182.579
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VII.2.8	48.358.455.782	43.651.773.119
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		19.842.226.217	34.370.140.885
11 Thu nhập khác	31	VII.2.9	1.212.968.832	2.954.739.012
12 Chi phí khác	32	VII.2.10	648.855.881	1.218.427.813
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		564.112.951	1.736.311.199
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		20.406.339.168	36.106.452.084
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.23.	5.015.380.266	4.369.741.146
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		15.390.958.902	31.736.710.938

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2014

TỔNG CÔNG TY ĐỨC GIANG - CÔNG TY CỔ PHẦN

Người lập

Trưởng phòng kế toán

Tổng Giám đốc





Nguyễn Thị Vân Oanh

Đinh Đức Hải

Phạm Tiến Lâm

(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 34 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính.)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1.486.642.728.176	1.242.111.843.009
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(1.565.051.602.297)	(1.272.663.308.830)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(32.478.712.160)	(25.617.064.370)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(997.006.494)	(379.313.087)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(6.850.788.092)	(3.365.796.321)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		81.805.212.687	81.006.271.491
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(28.805.493.357)	(13.787.473.345)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(65.735.661.537)	7.305.158.547
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.123.334.800)	(388.839.091)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		35.090.909	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(10.050.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	4.249.500.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(5.576.450.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		2.501.240.000	5.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		10.966.354.886	23.240.120.607
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		6.802.900.995	22.050.781.516
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(578.536.303)	(5.333.497.252)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		187.887.765.684	73.698.176.910
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(205.458.047.306)	(53.648.548.933)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(11.149.560.825)	(13.031.390.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(29.298.378.750)	1.684.740.725
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(88.231.139.292)	31.040.680.788
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		236.606.930.240	205.562.382.981
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		402.058.428	3.866.471
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	V.1	148.777.849.376	236.606.930.240

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2014

TỔNG CÔNG TY ĐỨC GIANG - CÔNG TY CỔ PHẦN

Người lập

Trưởng phòng kế toán

Tổng Giám đốc





Nguyễn Thị Vân Oanh

Đinh Đức Hải

Phạm Tiến Lâm

(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 34 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính.)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**1. Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Đức Giang - Công ty Cổ phần (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty May Đức Giang trực thuộc Tổng Công ty Dệt may Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 221/CNN/TCLĐ ngày 24/03/1993 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nhẹ và chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần từ ngày 01/01/2006 theo Quyết định số 2882/QĐ-BCN ngày 13/09/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103010468 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 28/12/2005. Công ty có 3 lần thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy đăng ký kinh doanh lần 3 ngày 28/11/2009 thì vốn điều lệ của Công ty là: 51.855.000.000 đồng (Năm mươi một tỷ, tám trăm năm mươi lăm triệu đồng).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu các sản phẩm dệt may, nguyên phụ liệu, máy móc, thiết bị, phụ tùng, linh kiện ngành dệt may;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu các sản phẩm thủ công mỹ nghệ, sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp, hải sản, thực phẩm công nghệ;
- Kinh doanh các sản phẩm dân dụng, thiết bị văn phòng, phương tiện vận tải, vật liệu điện, điện tử, điện lạnh, cao su;
- Nhập khẩu sắt thép, gỗ, máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên liệu cho sản xuất kinh doanh, kinh doanh kim loại màu (kẽm, đồng, nhôm, chì) làm nguyên liệu cho sản xuất;
- Kinh doanh vận tải đường bộ và đường thủy, dịch vụ xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh bất động sản, xây dựng và kinh doanh cho thuê nhà làm văn phòng, trung tâm thương mại, siêu thị và nhà ở;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, lưu trú du lịch, kinh doanh du lịch lữ hành nội địa và quốc tế (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar).

Địa chỉ: Số 59 - Đức Giang - Long Biên - Hà Nội

Tel: 043 8770.643 Fax: 043 8271 896

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**1. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 01 - Chuẩn mực chung.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

(tiếp theo)

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ trên máy vi tính, sử dụng phần mềm kế toán Fast.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó đến thời điểm lập Báo cáo tài chính, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Đối với việc thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh.

Tại thời điểm kết thúc năm tài chính số dư các khoản tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm khoá sổ lập Báo cáo tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- **Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được tính theo giá gốc

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- **Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:** Phương pháp bình quân gia quyền.
- **Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Phương pháp kê khai thường xuyên
- **Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:**

Tại thời điểm 31/12/2013, Công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

3.1 Nguyên tắc ghi nhận phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

2022
ÔNG T
NHIỆM H
DÀN VÀ Đ
ỆT NA
Y - T

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

(tiếp theo)

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 Hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Thời gian khấu hao <năm ></u>
Nhà cửa vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc, thiết bị	05 - 06
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07
Tài sản cố định khác	03 - 06

3.2 Nguyên tắc ghi nhận phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là lợi thế kinh doanh.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 Hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn của Công ty bao gồm cổ phiếu, các khoản cho vay có thời hạn thu hồi dưới một năm, được ghi nhận theo giá gốc bắt đầu từ ngày mua hoặc cho vay.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty bao gồm đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết, các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc, bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư, hoặc ngày mua cổ phiếu.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính dài hạn vào Công ty CP May Đức Hạnh được lập khi doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ.

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

5.1 Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay

Các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, khế ước vay, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ ngân hàng.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

(tiếp theo)

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước dài hạn của đơn vị được ghi nhận theo thực tế phát sinh sau đó phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kì, bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ thuộc tài sản lưu động xuất dùng một lần với giá trị lớn và công cụ, dụng cụ có thời gian sử dụng trên một năm;

7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.

Vốn khác của chủ sở hữu là vốn bổ sung từ lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm, hàng hoá là hàng may mặc, thang máy, vải tiết kiệm,... Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, lãi cho vay, thu cổ tức.

Doanh thu bán hàng hoá, sản phẩm được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc dồn tích, ghi nhận khi chuyển giao hàng hoá cho khách hàng, phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, lãi cho vay, được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu từ việc thu cổ tức được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức, căn cứ vào Biên bản họp Hội đồng cổ đông, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chi phí trích lập dự phòng các khoản đầu tư dài hạn, chênh lệch tỷ giá.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013
(tiếp theo)

11. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

11.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu, phải trả

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng của bên bán.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

Khoản phải thu khác được ghi nhận căn cứ theo hợp đồng, hóa đơn mua vào của bên bán.

11.2 Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là chi phí Xây dựng công trình Nhà liên cơ - Tổng Công ty Đức Giang. Các tài sản này đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất được ghi nhận theo giá gốc, tại thời điểm có nghiệm thu hoặc khi chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp.

11.3 Các nghĩa vụ về thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 0% đối với các lô hàng xuất khẩu, 10% đối với các lô hàng khác.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Phần thuê đất trong năm đơn vị được giảm theo Quyết định số 6031/QĐ-CT-QLĐ ngày 4/3/2013 của Cục thuế Hà Nội về việc giảm cho 2 năm 2011 và năm 2012 với giá trị là 6.629.699.920 đồng. Đồng thời trong năm 2013 Công ty được giảm theo Công văn số 8973/UBND-KT ngày 26/1/2013 về việc giảm 50% tiền thuê đất cho năm 2013 với giá trị là 3.616.199.956 đồng.

11.4 Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

(tiếp theo)

Giá vốn dịch vụ gia công được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
<i>Tiền mặt</i>	147.514.436	35.403.852
<i>Tiền gửi ngân hàng</i>	35.772.239.981	30.660.226.388
VND		
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Chương Dương</i>	1.710.183.326	12.060.869.229
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - CN Bắc Hà Nội</i>	14.852.407	15.178.961
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam</i>	-	20.104.392
<i>Ngân hàng TMCP Quân Đội- CN Long Biên</i>	95.914.872	4.839.099
<i>Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam- CN Chương Dương</i>	3.045.617	54.498.026
<i>Ngân hàng TMCP An Bình- CN Hà Nội</i>	51.294.406	3.686.740
<i>Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam</i>	14.414.985	56.533.951
<i>Công ty Cổ phần Chứng khoán phố WALL</i>	369.552.158	338.961.668
<i>Ngân hàng TMCP Dầu khí toàn cầu - PGD Đông Đô</i>	43.661.588	42.985.472
<i>Ngân hàng TMCP xăng dầu Petrolimex - CN Thăng Long</i>	17.801.831	71.491.416
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thanh Xuân</i>	116.757.147	506.550.466
<i>Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng</i>	26.221.785	-
USD		
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- CN Chương Dương</i>	19.976.974.394	10.304.157.479
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam- CN Bắc Hà Nội</i>	125.612.201	124.017.712
<i>Ngân hàng VID Public Bank</i>	43.151.603	42.980.477
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam Sở giao dịch</i>	-	12.591.410
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Hà Nội</i>	-	5.140.056
<i>Ngân hàng TMCP Quân Đội- CN Long Biên</i>	88.621.163	4.282.698
<i>Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam- CN Chương Dương</i>	64.751.647	63.827.088
<i>Ngân hàng TMCP An Bình- CN Hà Nội</i>	831.174.668	201.258.612
<i>Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam</i>	56.747.405	5.928.146.453
<i>Ngân hàng TMCP Dầu khí toàn cầu PGD Đông Đô</i>	4.148.539	4.133.443
<i>Ngân hàng TMCP xăng dầu Petrolimex - CN Thăng Long</i>	7.196.307	7.079.216
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thanh Xuân</i>	10.607.439.692	786.912.324
<i>Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng</i>	1.502.722.240	-
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng)	112.670.534.959	205.911.300.000
<i>Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hà Nội</i>	63.931.899.378	60.000.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Chương Dương</i>	-	18.487.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Công Thương - CN Thanh Xuân</i>	10.000.000.000	10.013.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng</i>	5.000.000.000	-
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Chương Dương</i>	-	41.643.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013
(tiếp theo)

Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thanh Xuân	-	14.557.500.000
Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hà Nội (USD)	33.738.635.581	61.210.800.000
<i>Tiền đang chuyển</i>	<i>187.560.000</i>	-
Cộng	148.777.849.376	236.606.930.240
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		
	31/12/2013	01/01/2013
	Số lượng (cổ phiếu)	Giá trị (VND)
	Số lượng (cổ phiếu)	Giá trị (VND)
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn	-	6.000.000.000
Cổ phiếu WSS	-	600.000.000
Dự phòng đầu tư chứng khoán ngắn hạn	-	(3.240.000.000)
Cổ phiếu WSS	-	600.000.000
Cộng	-	2.760.000.000
3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vũ Hoàng Mạnh Trung	-	3.483.150
Thuế GTGT chờ kê khai	9.458.612.645	4.329.851.422
Các đối tượng khác	226.774.906	812.829.953
Cộng	9.685.387.551	5.146.164.525
4. Hàng tồn kho	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	22.174.753.456	11.966.857.627
Công cụ, dụng cụ	1.793.659	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	76.019.715.645	8.919.131.171
Thành phẩm	69.232.138.972	37.961.303.010
Hàng hoá	1.057.953.432	2.949.066.558
Hàng gửi đi bán	13.825.066	47.201.711
Cộng giá gốc hàng tồn kho	168.500.180.230	61.843.560.077

TỔNG CÔNG TY ĐỨC GIANG - CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 59 - Đức Giang - Long Biên - Hà Nội

Tel: 043 8770 643 Fax: 043 8271 896

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính 2013

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

(tiếp theo)

5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá					
Số dư ngày 01/01/2013	45.695.359.997	5.696.767.319	1.770.746.018	3.970.939.066	57.133.812.400
Mua trong năm	-	698.000.000	-	425.334.800	1.123.334.800
Đầu tư XD CB hoàn thành	-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(145.600.000)	-	(119.742.200)	(265.342.200)
Giảm khác (*)	(42.416.870)	(41.904.762)	(721.002.026)	(840.500.303)	(1.645.823.961)
Số dư ngày 31/12/2013	45.652.943.127	6.207.262.557	1.049.743.992	3.436.031.363	56.345.981.039
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư ngày 01/01/2013	23.189.017.226	5.460.877.554	1.532.970.767	3.825.810.718	34.008.676.265
Khấu hao trong năm	1.367.529.376	287.801.952	62.808.157	144.894.107	1.863.033.592
Thanh lý, nhượng bán	-	(145.600.000)	-	(119.742.200)	(265.342.200)
Giảm khác (*)	(42.416.870)	(41.904.762)	(582.064.364)	(809.972.220)	(1.476.358.216)
Số dư ngày 31/12/2013	24.514.129.732	5.561.174.744	1.013.714.560	3.040.990.405	34.130.009.441
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2013	22.506.342.771	235.889.765	237.775.251	145.128.348	23.125.136.135
Tại ngày 31/12/2013	21.138.813.395	646.087.813	36.029.432	395.040.958	22.215.971.598

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 25.027.666.826 VND

(*) Giảm khác là những TSCĐ có nguyên giá dưới 30 triệu đồng được phân loại lại theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ. Trong đó:

- Những TSCĐ có nguyên giá dưới 30 triệu đồng đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là: 1.267.639.412 VND.

- Những TSCĐ có nguyên giá dưới 30 triệu đồng nhưng vẫn còn GTCL là: 378.184.549 VND.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

(tiếp theo)

6. Tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Đơn vị tính: VND	
	Lợi thế kinh doanh	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư ngày 01/01/2013	1.376.124.616	1.376.124.616
Mua trong kỳ	-	-
Số dư ngày 31/12/2013	1.376.124.616	1.376.124.616
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư ngày 01/01/2013	1.376.124.616	1.376.124.616
Khấu hao trong kỳ	-	-
Số dư ngày 31/12/2013	1.376.124.616	1.376.124.616
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2013	-	-
Tại ngày 31/12/2013	-	-

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công trình nhà liên cơ - Tổng Công ty Đức Giang	188.246.364	188.246.364
Cộng	188.246.364	188.246.364

8. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2013		01/01/2013	
	Số lượng (cổ phiếu)	Giá trị (VND)	Số lượng (cổ phiếu)	Giá trị (VND)
Đầu tư tài chính dài hạn	-	65.546.821.561	-	61.046.267.565
Đầu tư vào Công ty con	-	10.000.000.000	-	36.278.211.009
Công ty TNHH May và TM Việt Thành	-	-	-	7.078.211.009
Công ty TNHH May Đức Giang	-	10.000.000.000	-	10.000.000.000
Công ty TNHH May Hưng Nhân	-	-	-	10.200.000.000
Công ty CP thương mại và đầu tư Đức	-	-	900.000	9.000.000.000
Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh		51.753.671.009		19.899.010.000
Công ty CP SXTM, đầu tư Việt Thành	229.901	2.299.010.000	229.901	2.299.010.000
Công ty CP Thời trang phát triển cao	560.000	5.600.000.000	560.000	5.600.000.000
Công ty CP Bình Mỹ	857.645	8.576.450.000	600.000	6.000.000.000
Công ty CP May Đức Hạnh	900.000	9.000.000.000	600.000	6.000.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

(tiếp theo)

Công ty TNHH May Hưng Nhân	-	10.200.000.000	-	-
Công ty TNHH may và TM Việt Thành	-	7.078.211.009	-	-
Công ty CP TM và đầu tư Đức Giang	900.000	9.000.000.000	-	-
Đầu tư dài hạn khác		5.000.000.000		5.022.322.216
Công ty Bảo hiểm Hàng Không	500.000	5.000.000.000	500.000	5.000.000.000
Cơ sở thuê Thanh Loan	-	-	-	22.322.216
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(1.206.849.448)		(153.275.660)
Công ty CP May Đức Hạnh	-	(1.206.849.448)	-	(153.275.660)

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty tại ngày 31/12/2013 như sau:

Tên Công ty	Tỷ lệ vốn góp theo cam kết	Tỷ lệ thực góp	Tỷ lệ lợi ích	Giá trị khoản đầu tư tại 31/12/2013
Công ty CP SXTM, đầu tư Việt Thanh	23%	23%	23%	2.299.010.000
Công ty CP Thời trang phát triển cao	28%	28%	28%	5.600.000.000
Công ty CP Bình Mỹ	21%	21%	21%	8.576.450.000
Công ty CP May Đức Hạnh	30%	30%	30%	9.000.000.000
Công ty TNHH May Hưng Nhân	34%	34%	34%	10.200.000.000
Công ty TNHH may và TM Việt Thành	35%	35%	35%	7.078.211.009
Công ty CP TM và đầu tư Đức Giang	49%	49%	49%	9.000.000.000

9. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Trả trước tiền thuê cửa hàng	-	592.720.087
Trả trước chi phí thuê xe ô tô	210.000.000	714.000.000
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ (*)	38.006.681	-
Chi phí trả trước khác	790.503.175	632.385.710
Cộng	1.038.509.856	1.939.105.797

(*) Giá trị còn lại của TSCĐ có nguyên giá không đủ điều kiện ghi nhận là TSCĐ được phân loại lại theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ là: 38.006.681 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

(tiếp theo)

10. Vay và nợ ngắn hạn	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
<i>Vay ngắn hạn</i>	7.379.750.000	24.236.837.832
VND		
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Chương Dương	-	24.236.837.832
USD		
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Chương Dương (*)	7.379.750.000	-
Cộng	7.379.750.000	24.236.837.832

(*) Hợp đồng tín dụng số 01/2013-HĐTDHM/NHCT128-DUGARCO ngày 23/12/2013 với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Chương Dương, hạn mức cho vay là 100.000.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 23/12/2013 đến 15/12/2014, lãi suất quy định cụ thể theo từng giấy nhận nợ, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Đã nhận nợ theo giấy nhận nợ số 01 ngày 23/12/2013 số tiền 350.000 USD, thời hạn 3 tháng, lãi suất 3,2%.

11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Đơn vị tính: VND			
Khoản mục	01/01/2013	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2013
Thuế GTGT đầu ra	(18.000.000)	274.392.638	274.392.638	(18.000.000)
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	570.000	570.000	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	23.792.276	23.792.276	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.750.788.092	5.015.380.266	6.850.788.092	1.915.380.266
Thuế thu nhập cá nhân	353.666.353	625.902.251	463.346.733	516.221.871
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	8.790.967.113	429.067.594	9.220.034.707	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng thuế và các khoản phải thu Nhà nước	18.465.000			18.000.000
Cộng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12.895.421.558			2.431.602.137
12. Chi phí phải trả			31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
Chi phí gia công			-	1.612.999.839
Cộng			-	1.612.999.839

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

(tiếp theo)

13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Kinh phí công đoàn	828.289.663	624.952.336
Bảo hiểm xã hội	-	180.495.464
Kinh phí hoạt động công tác đảng	524.371.885	385.704.420
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.563.737.481	3.041.914.481
<i>Lãi vay dài hạn phải trả cá nhân</i>	<i>1.335.307.594</i>	<i>891.307.791</i>
<i>Lãi trái phiếu, cổ phiếu</i>	<i>228.429.887</i>	<i>261.497.137</i>
<i>Công ty TNHH MTV Thương mại Dệt May Việt Nam</i>	<i>-</i>	<i>1.195.186.809</i>
<i>Các đối tượng khác</i>	<i>-</i>	<i>693.922.744</i>
Dư Có TK 138	8.260.972	269.483.107
Cộng	2.924.660.001	4.502.549.808
14. Vay và nợ dài hạn	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
VND		
<i>Vay dài hạn của CBCNV (*)</i>	<i>2.394.856.040</i>	<i>2.394.856.040</i>
USD		
<i>Vay Prominent Apparel Limited</i>	<i>85.308.313</i>	<i>84.179.340</i>
Cộng	2.480.164.353	2.479.035.380

(*) Vay dài hạn là các khoản huy động vốn của cán bộ nhân viên trong công ty. Những khoản huy động từ năm 2001 và 2005 theo Quyết định số 456/QĐ của Tổng Giám đốc ngày 28/01/2001 và Quyết định số 297/QĐ - VP ngày 30/03/2005, các khoản vay này không có hợp đồng, lãi suất là 0%.

02228-
 CÔNG TY
 NIỆM HỮU
 VÀ ĐỊNH
 VIỆT NAM
 VAY - TR

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Năm 2013
 (tiếp theo)

15. **Vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

a) **Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỉ giá hối đoái	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2012	51.855.000.000	15.912.033.555	254.200.540	3.158.493.310	18.181.755.699	89.361.483.104
- Tăng vốn trong năm trước	9.956.600.000	-	-	-	-	9.956.600.000
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	31.736.710.938	31.736.710.938
- Tăng khác	-	-	-	-	1.302.867.891	1.302.867.891
- Phân phối quỹ	-	-	-	-	(11.439.750.394)	(11.439.750.394)
- Chia cổ tức	-	-	-	-	(13.031.390.000)	(13.031.390.000)
- Giảm khác	-	(5.333.497.252)	(254.200.540)	-	(495.839.641)	(6.083.537.433)
Số dư tại ngày 31/12/2012	61.811.600.000	10.578.536.303	-	3.158.493.310	26.254.354.493	101.802.984.106
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	15.390.958.902	15.390.958.902
- Tăng khác	-	-	638.912.042	-	-	638.912.042
- Phân phối quỹ	-	-	-	-	(4.617.287.670)	(4.617.287.670)
- Chia cổ tức	-	-	-	-	(11.154.310.000)	(11.154.310.000)
- Giảm khác	-	(578.536.303)	(638.912.042)	-	(471.908.949)	(1.689.357.294)
Số dư tại ngày 31/12/2013	61.811.600.000	10.000.000.000	-	3.158.493.310	25.401.806.776	100.371.900.086

b) **Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	22.740.680.000	22.740.680.000
Công ty CP Chứng khoán Phố Wall	8.349.800.000	8.349.800.000
Công ty TNHH Du lịch Mỹ Việt	3.578.500.000	3.578.500.000
Vốn góp của các đối tượng khác	27.142.620.000	27.142.620.000
Cộng	61.811.600.000	61.811.600.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013
 (tiếp theo)

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	61.811.600.000	61.811.600.000
Vốn góp đầu năm	61.811.600.000	61.811.600.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	61.811.600.000	61.811.600.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	11.154.310.000	13.031.390.000

d) Cổ phiếu

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.181.160	6.181.160
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.181.160	6.181.160
- Cổ phiếu phổ thông	6.181.160	6.181.160
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.181.160	6.181.160
- Cổ phiếu phổ thông	6.181.160	6.181.160
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng

e) Các quỹ của công ty

	01/01/2013	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Đơn vị tính: VND 31/12/2013
Quỹ đầu tư phát triển	13.494.503.959	1.539.095.890	-	15.033.599.849
Quỹ dự phòng tài chính	7.553.219.787	3.078.191.780	-	10.631.411.567
Tổng cộng	21.047.723.746	4.617.287.670	-	25.665.011.416

(*) Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

- Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được trích lập từ 20% phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Thông qua Đại hội đồng cổ đông và Phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.
- Quỹ dự phòng tài chính của doanh nghiệp được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc để bù đắp những khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị (hoặc đại diện chủ sở hữu). Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ 30% phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp. Thông qua Đại hội đồng cổ đông và Phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

(tiếp theo)

16. Nguồn kinh phí	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Nguồn kinh phí còn lại đầu năm	100.990.000	100.990.000
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	-	-
Chi sự nghiệp	-	-
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	100.990.000	100.990.000
VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh		
17. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Doanh thu bán hàng hàng hoá, sản phẩm, dịch vụ	1.576.913.387.606	1.343.654.071.132
Cộng	<u>1.576.913.387.606</u>	<u>1.343.654.071.132</u>
18. Các khoản giảm trừ doanh thu	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Hàng bán bị trả lại	55.959.400	212.722.285
Cộng	<u>55.959.400</u>	<u>212.722.285</u>
19. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Doanh thu thuần bán hàng hoá, sản phẩm, dịch vụ	1.576.857.428.206	1.343.441.348.847
Cộng	<u>1.576.857.428.206</u>	<u>1.343.441.348.847</u>
20. Giá vốn hàng bán	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Giá vốn của hàng hoá, sản phẩm đã bán, dịch vụ	1.479.552.386.661	1.242.013.667.516
Cộng	<u>1.479.552.386.661</u>	<u>1.242.013.667.516</u>
21. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	10.621.536.776	6.581.429.001
Cổ tức, lợi nhuận được chia	344.818.110	16.668.246.964
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.377.206.510	1.716.615.501
Cộng	<u>16.343.561.396</u>	<u>24.966.291.466</u>
22. Chi phí tài chính	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi tiền vay	1.008.910.216	441.651.222
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	652.205.352	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.967.603.744	868.689.971

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013
 (tiếp theo)

Lỗ từ hoạt động đầu tư chứng khoán	3.313.950.000	-
Hoàn nhập các khoản dự phòng đầu tư tài chính	(2.186.426.212)	(2.408.485.303)
Chi phí tài chính khác	26.518.942	153.020.324
Cộng	5.782.762.042	(945.123.786)
23. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	1.594.069.140.324	1.354.642.292.523
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	1.574.007.619.266	1.335.117.632.116
Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	20.061.521.058	19.524.660.407
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	5.015.380.266	4.881.165.102
Điều chỉnh chi phí thuế TDND năm nay theo các quy định hiện hành (Điều chỉnh giảm theo TT140/2012/BTC ngày 21/08/2012)	-	511.423.956
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.015.380.266	4.369.741.146
25. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.460.709.514	482.676.539.059
Chi phí nhân công	35.621.455.193	28.775.986.061
Chi phí công cụ dụng cụ	476.874.445	157.590.303
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.863.033.592	2.650.475.617
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.521.078.950	15.488.817.121
Chi phí khác bằng tiền	22.613.332.590	36.572.522.161
Cộng	85.556.484.284	566.321.930.322

26. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu không trình bày trên báo cáo tài chính này mà được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Đức Giang - Công ty Cổ phần theo hướng dẫn tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu.

27. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại thuyết minh số V.10 và V.14, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ trừ cộng và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

(tiếp theo)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính trình bày tại Thuyết minh số IV.

Các loại Công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	148.777.849.376	236.606.930.240
Các khoản đầu tư tài chính	5.000.000.000	7.782.322.216
Phải thu khách hàng và phải thu khác	138.534.106.278	95.878.209.536
Tổng cộng	292.311.955.654	340.267.461.992
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	9.859.914.353	26.715.873.212
Phải trả người bán và phải trả khác	406.512.012.576	316.796.731.799
Chi phí phải trả	-	1.612.999.839
Tổng Cộng	416.371.926.929	345.125.604.850

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày 31/12/2013 do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá hàng hóa

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm 31/12/2013 như sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

(tiếp theo)

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2013	01/01/2013	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	168.048.549.738	106.063.434.796	132.697.245.499	195.177.578.343

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty chịu rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản vay gốc. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày càng sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	406.500.215.355	11.797.221	406.512.012.576
Các khoản vay	7.379.750.000	2.480.164.353	9.859.914.353
01/01/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	316.384.319.435	412.412.364	316.796.731.799
Chi phí phải trả	1.612.999.839	-	1.612.999.839
Các khoản vay	24.236.837.832	2.479.035.380	26.715.873.212

01/2022
CÔNG
CHUYÊN
TOÁN VÀ
VIỆT N
GIẤY

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

(tiếp theo)

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	148.777.849.376	-	148.777.849.376
Các khoản đầu tư tài chính	-	5.000.000.000	5.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	138.275.805.158	-	138.275.805.158
01/01/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	236.606.930.240	-	236.606.930.240
Các khoản đầu tư tài chính	2.760.000.000	5.022.322.216	7.782.322.216
Phải thu khách hàng và phải thu khác	95.878.209.536	-	95.878.209.536

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

VII. Những thông tin khác

1. Thông tin về các bên liên quan

1.1 Giao dịch với các bên liên quan

	Quan hệ với Công ty	Năm 2013 VND	Năm 2012Y VND
Doanh thu			
Bán hàng cho Công ty TNHH May và Thương Mại Việt Thành	Công ty liên kết	1.212.539.954	3.745.197.334
Bán hàng cho Công ty TNHH May Hưng Nhân	Công ty liên kết	7.607.818.355	12.566.255.714
Bán hàng cho Công ty CP SX - TM và đầu tư Việt Thanh	Công ty liên kết	8.268.428.355	2.638.045.293
Bán hàng cho Công ty Cổ phần Thời trang Phát triển cao	Công ty liên kết	3.864.928.845	3.607.703.104
Bán hàng cho công ty TNHH May Đức Giang	Công ty con	16.180.627.133	19.980.010.139
Bán hàng Công ty CP Thương mại và đầu tư Đức Giang	Công ty liên kết	72.704.082.558	47.701.731.282
Bán hàng Công ty May Đức Hạnh	Công ty liên kết	2.662.406.528	285.444.214
Mua hàng			
Mua hàng của Công ty TNHH May Hưng Nhân	Công ty liên kết	37.054.433.762	162.420.202.892
Mua hàng của Công ty TNHH May và Thương mại Việt Thành	Công ty liên kết	93.346.965.538	90.010.478.778

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

(tiếp theo)

Mua hàng của Công ty Công ty CP SX - TM và Đầu tư Việt Thanh	Công ty liên kết	50.767.523.113	46.128.186.095
Mua hàng của Công ty Cổ phần Thời trang Phát triển cao	Công ty liên kết	60.736.917.752	47.915.104.269
Mua hàng của Công ty TNHH May Đức Giang	Công ty con	222.820.312.327	210.108.437.054
Mua hàng Công ty CP Thương mại và đầu tư Đức Giang	Công ty liên kết	1.272.680.439	9.092.283.781
Mua hàng Công ty CP May Đức Hạnh	Công ty liên kết	35.334.627.644	14.902.052.392
1.2 Số dư với các bên liên quan	Quan hệ với Công ty	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Các khoản phải trả			
Công ty CP Thời Trang Phát triển Cao	Công ty liên kết	4.893.107.547	2.175.854.147
Công ty CP SX - TM và đầu tư Việt Thanh	Công ty liên kết	6.441.014.079	7.189.897.772
Công ty TNHH May và TM Việt Thành	Công ty liên kết	41.414.123.824	37.211.858.321
Công ty TNHH May Hưng Nhân	Công ty liên kết	92.383.393.433	69.557.746.527
Công ty TNHH May Đức Giang	Công ty con	65.906.134.998	65.957.388.780
Công ty Cổ phần May Đức Hạnh	Công ty liên kết	-	1.271.546.875
Các khoản phải thu			
Công ty Cổ phần May Đức Hạnh	Công ty liên kết	3.292.061.941	11.194.692.529
Công ty Cổ phần Bình Mỹ	Công ty liên kết	-	39.739.181
Công ty TNHH May Hưng Nhân	Công ty liên kết	1.564.359.768	52.419.118
Công ty CP Thương mại và Đầu tư Đức Giang	Công ty liên kết	46.013.962.809	12.408.454.666
Công ty TNHH May và TM Việt Thành	Công ty liên kết	27.342.600	27.342.600
2. Những thông tin khác			
2.1 Phải thu của khách hàng		31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Công ty Cổ phần May Đức Hạnh		-	1.271.546.875
Tổng Công ty Xây dựng số 1 - TNHH MTV		4.645.637.880	236.747.880
Công ty TNHH TM & DV DTSC		569.716.896	882.873.396
Công ty CP Dệt lụa Nam Định		-	1.019.310.103
Seiden (Overseas) Limited		-	5.039.218.033
Sumikin Busan Corporation		257.138.073	1.855.229.723
The Levy Group Inc		35.268.952.711	15.090.526.988
Textyle		3.002.680.469	9.034.450.202
Bugati GMBH		315.759.416	5.814.765.731
Hlfashion		896.996.672	5.031.162.904
Công ty CP TM và ĐT Đức Giang		46.013.962.809	12.408.454.666
Công ty CP Đầu tư đô thị và KCN Sông Đà 7		-	7.632.500.000
Các đối tượng khác		37.877.873.801	25.415.259.010
Cộng		128.848.718.727	90.732.045.011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

(tiếp theo)

2.2 Trả trước cho người bán	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Công ty CP Mỹ Nghệ XNK Hà Nội	803.509.000	158.614.000
Công ty TNHH MTV Dệt 8/3	-	902.136.409
Công ty TNHH thang máy & thiết bị Thăng Long	-	4.231.125.550
Gerry Webber	-	137.848.167
Công ty CP May Đức Hạnh	3.292.061.941	9.923.145.654
Các đối tượng khác	590.039.687	5.724.404.856
Cộng	4.685.610.628	21.077.274.636
2.3 Tài sản ngắn hạn khác	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Tạm ứng	5.000.000	5.000.000
Các khoản cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	6.340.082.506	-
Cộng	6.345.082.506	5.000.000
2.4 Phải trả người bán	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Dystar Singapore Pte.Ltd	-	275.639.749
Công ty TNHH May Đức Giang	65.906.134.998	65.957.388.780
The Levy Group Inc	71.937.284.083	85.155.086.116
Công ty CP Thời Trang Phát triển Cao	4.893.107.547	2.175.854.147
Công ty CP Sản xuất - Thương mại và đầu tư Việt Thanh	6.441.014.079	7.189.897.772
Công ty TNHH May Và Thương mại Việt Thành	41.414.123.824	37.211.858.322
Công ty TNHH May Hưng Nhân	92.383.393.433	69.557.746.527
V Dragon Company Pte Ltd	3.162.300.000	3.120.450.000
Chi nhánh Công ty TNHH Coats Phong Phú	1.842.019.601	1.658.148.674
Chung mo LTD	20.729.085.844	6.579.181.328
Seko	-	4.669.746.768
E.lan Co., ltd	19.033.433.599	247.591.481
Các đối tượng khác	75.833.658.346	28.083.179.964
Cộng	403.575.555.354	311.881.769.627
2.5 Người mua trả tiền trước	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Seiden (overseas) Limited	7.452.128.817	-
Prominent Apparenl Limited (Itochu)	1.363.494.372	-
Pierre cardin - Ahner	3.797.398.623	-
Công ty Kiwon	48.530.764	47.888.506
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Nhà Hà Nội	-	22.399.300.000
T and T Garment Trading	4.495.934.038	-
Brinkmann Gmbh	2.401.432.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

(tiếp theo)

Công ty CP Đầu tư và Phát triển BĐS Hudlan	2.401.432.000	-
Các đối tượng khác	225.227.645	912.497.278
Cộng	22.185.578.259	23.359.685.784
2.6 Phải trả dài hạn khác	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền đại lý ký quỹ	11.797.221	412.412.364
Cộng	11.797.221	412.412.364
2.7 Chi phí bán hàng	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nhân viên	2.805.424.394	2.385.238.483
Chi phí vật liệu, bao bì	1.460.709.514	852.323.500
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	79.081.438	2.940.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	82.656.613	157.432.554
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.472.755.463	13.057.798.898
Chi phí bằng tiền khác	15.764.531.478	32.861.449.144
Cộng	39.665.158.900	49.317.182.579
2.8 Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	32.816.030.799	25.372.757.995
Chi phí vật liệu quản lý	-	118.003.178
Chi phí đồ dùng văn phòng	397.793.007	154.650.303
Chi phí khấu hao TSCĐ	981.793.475	1.608.217.112
Thuế, phí và lệ phí	3.007.412.782	9.449.317.319
Chi phí dự phòng	258.301.120	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.048.323.487	2.431.018.223
Chi phí bằng tiền khác	6.848.801.112	4.517.808.989
Cộng	48.358.455.782	43.651.773.119
2.9 Thu nhập khác	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Thu từ thanh lý TSCĐ	3.272.727	165.783.712
Thu nhập từ thương hợp đồng	726.460.590	-
Phạt hợp đồng	90.936.812	-
Xử lý công nợ	179.622.941	-
Hoàn nhập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	2.042.234.944
Thu nhập khác	212.675.762	746.720.356
Cộng	1.212.968.832	2.954.739.012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013
(tiếp theo)

2.10 Chi phí khác

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Giá trị còn lại của TSCĐ	-	116.677.013
Phạt do vi phạm hợp đồng	648.855.881	715.438.259
Chi phí khác	-	386.312.541
Cộng	648.855.881	1.218.427.813

3. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính năm 2012 của Tổng Công ty Đức Giang - Công ty Cổ phần đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

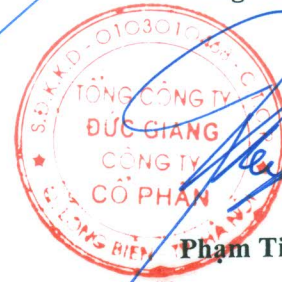
Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2014

TỔNG CÔNG TY ĐỨC GIANG - CÔNG TY CỔ PHẦN

Người lập

Trưởng phòng kế toán

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Vân Oanh

Đinh Đức Hải

Phạm Tiên Lâm

